

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán		Vật lí	Hóa học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		GD QP-AN	XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				15'	1T	1T	1T	1T	1T	15'	1T	15'					
1	Nguyễn Hải	Bắc		9	6	7	8.3	6.5	5.3	6	3.5	6	TB			50	T
2	Nguyễn Hữu	Cánh		9	6	9	5	5.5	4.8	5	4.3	7	TB			50	T
3	Ngô Minh	Châu		7	5.3	8	5	6.5	5.3	6	4.5	7	TB			50	T
4	Dương Thị	Cung	X	8	4.5	6.5	5.5	6	5	5	4.5	9	TB			50	T
5	Vũ Việt	Dũng		7	0.8	2.8	0.5	6	6	4	3.8	9	Kem			49.5	T
6	Tạ Văn	Duy		10	6.5	7	6	6.5	5.3	5	2.5	6	Y			50	T
7	Nguyễn Dương	Giang		10	7.3	4.5	9.5	5.5	4.5	5	4.5	7	TB			50	T
8	Mai Nhật	Hào		8	2.8	5	1.8	6.5	4.5	4	3.3	9	Kem			50	T
9	Nguyễn Phùng Gia	Huy	X	8	4.3	6.5	6.5	6.5	6	7	3.3	6	TB			50	T
10	Lê Thị Ngọc	Huyền	X	9	1.8	6.5	2	6.5	5	9	7.5	6	Y			50	T
11	Lê Thị Kim	Hương	X	9	6.3	7	7.8	5.5	5.5	6	6.8	6	K			50	T
12	Nguyễn Thu	Hương	X	7									K			50	T
13	Vũ Thị Lan	Hương	X	8	5.3	4.5	4.8	5.8	6.5	5	6.5	6	TB			50	T
14	Nguyễn Hoàng	Long		7	5	5	3.8	5	3.3	5	5	6	TB			50	T
15	Nguyễn Kinh	Luân		8	6.8	5	3.3	6	5.3	9	7.5	6	Y			49.5	T
16	Châu Hải	My		9	4.5	4.8	3.5	6	4.5	6	3.8	9	TB			50	T
17	Lâm Hoàng	My	X	8	7	7.8	8	6.8	6.3	7	4	6	K	0	1	46.5	T
18	Lê Đặng Bảo	Ngọc		9	3.8	4	6.8	7	4.5	3	2.5	6	Y	0	2	45.5	T
19	Nguyễn Nguyên	Ngọc		7	2	4.3	2.5	6.3	6	5	2.5	6	Y			49.5	T
20	Quách Nguyễn Hồng	Ngọc	X	8	6.3	5.3	7.5	5	4.5	5	3.3	6	TB			49	T
21	Nguyễn Ngọc YẾN	Nhi	X	7	7.3	4	3.8	6	5.5	3	3.3	9	Y			50	T
22	Huỳnh Thị Thuý	Nương	X	7	4.3	4.5	3.3	5.5	6.8	7	3.3	9	Y			50	T
23	Hồ Thanh	Phú		9	6	6.8	5.5	5.5	7	6	6.5	7	K			50	T
24	Nguyễn Vũ Hà	Phương	X	7						7						50	T
25	Trần Thị Mai	Quỳnh	X	10	5.3	3.8	5.5	6.8	5	8	4.5	6	TB			48.5	T
26	Đoàn Thị Thu	Thảo	X	8												50	T
27	Nguyễn Thu	Thảo	X	8	0	3	2	6.3	7	4	3	6	Y			50	T
28	Nguyễn Quang	Thịnh		8	4.3	4	4.5	6.3	3	9	7	9	TB			49	T
29	Huỳnh Ngọc Thanh	Thùy		9	6.5	4.5	9.3	5	5.5	5	6.3	6	TB			50	T
30	Nguyễn Thị Hồng	Thùy		9	3.8	2.8	3.5	6	5.5	3	4.5	6	Y			50	T

31	Lê Minh	Thư	X	8	5.5	4.5	6	6	5	6	1.8	6	Y			48.5	T
32	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	X	9	2.8	3	4	6.8	6	5	3.8	6	Y	0	1	47	T
33	Bùi Thị Thu	Trang	X	7	4.3	4	4.5	6	6	8	4.5	7	TB			50	T
34	Hồ Kim	Trì		9	5	3.8	6	6.3	6.5	6	6	6	TB			50	T
35	Trần Thanh Nhã	Trúc	X	7	5.5	2.5	1.8	7	6.8	8	7.8	6	Kem			50	T
36	Phan Trung	Trực		9	4	3.8	2.5	6	4.8	4	4	9	Y			50	T
37	Phan Thị Thanh	Tuyền	X	9	5	4.5	6.5	6.8	5.8	7	5.3	7	TB			50	T
38	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Uyên	X	7	2.5	3.3	2.5	6.5	4.5	5	3	9	Y			49.5	T
39	Lê Hoàng	Vân	X	9	3.5	5	7.5	5	4.3	7	6.5	9	TB			50	T
40	Nguyễn Thị Trúc	Vi	X	10	4	4.3	4.5	6.3	6	8	5.3	6	TB			48.5	T
41	Lê Trần Quốc	Vương		9	6.3	3.3	7	6.8	5	5	5.8	9	Y			50	T
42	Mai Hồ Thanh	Xuân	X	8	4.8	3.3	9.3	5.5	3.5	5	2.3	6	Y			50	T
43	Đỗ Thị Cẩm	Yến	X	10	5.5	4	5.8	5.3	5	6	5.8	9	TB			50	T
44	Trần Văn	Đồng		7	2	1	1	4.5	5	6	1.8	6	Kem			48	T
45	Nguyễn Thị Thu	Phuong	X	8	5.5	3.8	1.8	5	5.5	7	5.5	7	Kem			50	T
46	Vũ Trịnh	Thắng		8	7	4.5	7.8	6	7	5	6.5	6	TB			50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

